

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 4 – 2021

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Nga M, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ông Mộc M, sinh năm: 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh T, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 22/02/2021, chị Ông Mộc M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Minh T xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 1995 nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị M cho rằng cuộc sống vợ, chồng không hạnh phúc do tính tình không hòa hợp nhau, thường xuyên cự cãi, tình cảm phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã ly thân anh T nhiều tháng nay. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị M xác định giữa chị và anh T có 02 người con chung là Huỳnh Trà M, sinh ngày 04/8/1997 và Huỳnh Kỳ A, sinh ngày 01/7/2000, hiện các con chị đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị M xác định vợ, chồng chị không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị M khai giữa vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị.

* Đối với anh Huỳnh Minh T, mặc dù đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh biết để tham gia hoà giải và xét xử vụ án thông qua con ruột anh là Huỳnh Trà M nhận thay, có cam kết thông báo và giao lại cho anh nhưng anh T vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị M và anh T là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh T: Mặc dù đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh biết để tham gia hoà giải và xét xử vụ án thông qua con ruột anh là Huỳnh Trà M nhận thay, có cam kết thông báo và giao lại cho anh nhưng anh T vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị M, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Ông Mộc M và anh Huỳnh Minh T xác lập quan hệ vợ, chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng anh chị có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, tình cảm phai nhạt, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan T, giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Từ đó anh, chị sống ly thân nhau, thời gian này cũng không bên nào có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn để vợ, chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Cháu Huỳnh Trà M, sinh ngày 04/8/1997 và Huỳnh Kỳ A, sinh ngày 01/7/2000, hiện đã thành niên và tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị M xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M khai giữa chị và anh T không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ông Mộc M về việc ly hôn anh Huỳnh Minh T.

2. Về con chung: Đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị M phải chịu 300.000đ. Ngày 22 tháng 02 năm 2021, chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 4654 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị M và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải